

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN	1
1.1. Thông tin chung về BAC A BANK.....	1
1.2. Quá trình hình thành - phát triển.....	2
1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
1.4. Mô hình tổ chức quản lý.....	4
1.5. Định hướng phát triển.....	6
1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.....	7
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015	8
2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2015.....	8
2.2. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	10
2.3. Hiệu quả sinh lời.....	11
2.4. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu.....	11
3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	11
3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh năm 2015	11
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2015.....	13
3.3. Kế hoạch phát triển.....	15
4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK.....	16
4.2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	16
5. QUẢN TRỊ CÔNG TY	17
5.1. Hội đồng Quản trị	17
5.2. Ban Kiểm soát.....	19
5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát ...	20
6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	21

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
- Tên tiếng Anh:
BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt:
BAC A BANK
- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
2900325526 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp
- Vốn điều lệ:
4.400.000.000.000 VND (Bốn nghìn bốn trăm tỷ đồng)
Vốn Điều lệ đã được cấp phép: 5.000.000.000.000 đồng (Năm nghìn tỷ đồng)
(Căn cứ theo Công văn 9873/NHNN-TTGSNH ngày 24/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước và Công văn 1500/UBCK-QLPH ngày 30/03/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước)
- Giấy phép thành lập:
004924 GP/TLDN-03
- Địa chỉ:
Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại:
(84-38) 3844277
- Số fax:
(84-38) 3841757
- Website:
<http://www.baca-bank.vn>

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

Ngân hàng TMCP Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một ngân hàng tận tâm, tạo ra một thể hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Với tư duy vượt trội, tính tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người với quyết tâm làm giàu chính đáng: BAC A BANK hướng tới giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ảm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Trong giai đoạn tới đây, BAC A BANK sẽ hoàn thành chuẩn mực hóa các tiêu chí của một ngân hàng có quy mô vừa phục vụ tư vấn các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, thực hiện mục tiêu đưa thể hệ các nhà đầu tư này lên một tầm cao mới, hòa nhập với quốc tế trong giai đoạn 2015 - 2020.

- **Sứ mệnh**

Ngân hàng TMCP Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thể hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cuộc sống cộng đồng và thân thiện với môi trường.

- **Giá trị cốt lõi:**

- ***Tiên phong***
- ***Chuyên nghiệp***
- ***Đáng tin cậy***
- ***Cải tiến không ngừng***
- ***Vì hạnh phúc đích thực***

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

Ngân hàng TMCP Bắc Á được chính thức thành lập vào ngày 17/4/1994 tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, với số vốn ban đầu chỉ có 20 tỷ đồng với 1 điểm giao dịch duy nhất đồng thời là trụ sở chính và 8 thành viên đầu tiên; trải qua 20 năm Ngân hàng đã từng bước chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành tựu và những dấu son đáng nhớ.

Năm 1995 đánh dấu mốc khởi đầu cho sự mở rộng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK với chi nhánh đầu tiên được khai trương: Chi nhánh Hà Nội.

Năm 2008, Ngân hàng thực hiện chuyển đổi mô hình từ phi tập trung, phân tán sang mô hình tập trung; đồng thời phân tách công việc, nhiệm vụ theo từng khối/phòng/ban chức năng chuyên trách nhằm chuyên môn hóa nghiệp vụ để hướng tới mô hình tổ chức của một ngân hàng hiện đại.

Năm 2009 – 2010, Ngân hàng trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.

Ngày 21/12/2011 ghi dấu ấn quan trọng khi chính thức công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng.

Năm 2012, Dự án sữa TH True Milk do Bac A Bank tư vấn đầu tư đã thành công khi chính thức ra mắt thị trường, đặt dấu son chói lọi và tạo nền móng cho ngành công nghiệp sữa tươi sạch Việt Nam.

Năm 2014, nhân lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập, Bac A bank vinh dự được nhận cờ thi đua của Chính phủ trao tặng, cá nhân bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Bac A Bank được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng ba.

Năm 2015, sau 21 năm đi vào hoạt động Bac A Bank đã vững vàng phát triển với 94 điểm giao dịch đang hoạt động trên toàn quốc, vốn điều lệ 4.400 tỷ đồng, với 1.448 nhân viên. Bac A Bank cơ bản hoàn thành kế hoạch hoạt động 5 năm (2011 – 2015) và đạt nhiều kết quả tích cực. Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc Bac A Bank, được vinh danh trong Top 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất châu Á do tạp chí Forbes uy tín bình chọn.

Với những đóng góp nổi bật cho kinh tế - xã hội đất nước trong suốt quá trình hoạt động, Bac A Bank đã nhiều lần vinh dự được nhận Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các đoàn thể khác trao tặng, các giải thưởng uy tín khác như giải thưởng Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ xuất sắc do Bộ công thương trao tặng, Top 100 sản phẩm tin và dùng, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam ...

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- **Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAC A BANK) cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

- **Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội. Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp chúng tôi gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK hiện tại có 94 điểm giao dịch đang hoạt động phân bố tại 14 tỉnh, thành trọng điểm trên cả nước trải dài từ Bắc đến Nam.

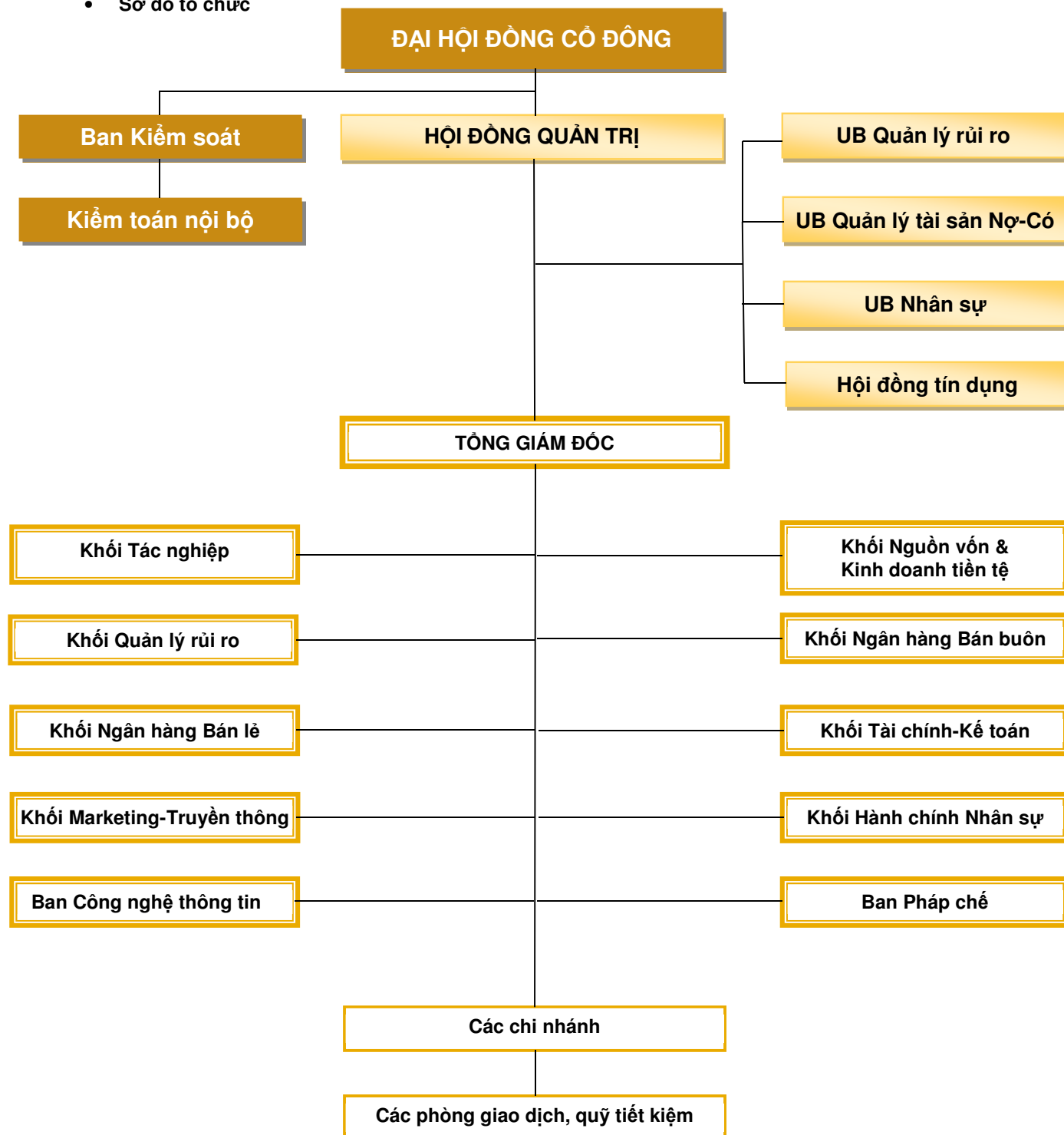
STT	Tỉnh/ Thành phố	Hội sở/ VPHS	Chi nhánh	Phòng giao dịch	Tổng
1	Hà Nội	1	9	30	40
2	Hưng Yên		1	2	3
3	Hải Phòng		1	2	3
4	Thanh Hóa		1	4	5
5	Nghệ An	1		11	12
6	Hà Tĩnh		1	0	1
7	Quảng Bình		1	1	2
8	Huế		1	0	1
9	Đà Nẵng		1	3	4
10	TP.HCM		2	15	17
11	Cần Thơ		1	2	3
12	Kiên Giang		1	0	1
13	Vĩnh phúc		1	0	1
14	Quảng ninh		1	0	1
	Tổng	2	22	70	94

Bên cạnh đó BAC A BANK đã được NHNN chấp thuận thành lập thêm 04 Chi nhánh bao gồm: CN Thái Nguyên, CN Bắc Giang, CN Hà Nam, CN Đà Lạt và 05 Phòng Giao dịch bao gồm: 01 PGD tại TP Hải Phòng, 01 PGD tại Hưng Yên, 02 PGD tại Hà Tĩnh, 01 PGD tại Tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện các điểm này đang trong giai đoạn triển khai và dự kiến sẽ đi vào hoạt động trong năm 2016.

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Cơ cấu tổ chức

- Sơ đồ tổ chức



• Thông tin bổ nhiệm nhân sự chủ chốt

- Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013 Miễn nhiệm vào ngày 17 tháng 04 năm 2015
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Hoàng Hồng Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 17 tháng 04 năm 2015

- Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban	Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Thái Đình Long	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013

- Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 05 năm 2003
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 03 năm 2008
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 31 tháng 05 năm 2008
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 30 tháng 06 năm 2009
Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 05 tháng 03 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 09 năm 2015
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hồng Yến	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 05 năm 2011

1.4.2. Công ty con

Tính đến hết năm 2015, Ngân hàng TMCP Bắc Á có một (01) công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay theo quyết định thành lập số 939/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á ngày 12/12/2009 và Quyết định số 330/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 11/02/2010.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả; phấn đấu trở thành ngân hàng hàng đầu trong nước trong lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục. Đây là định hướng căn bản và xuyên suốt cả giai đoạn, quyết định đến mọi chính sách hoạt động của Ngân hàng.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền tảng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung đầu tư và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục, và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội... Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện xã hội cũng được quan tâm và triển khai thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của BAC A BANK nhằm chung tay sẻ chia với cộng đồng, đảm bảo an sinh xã hội. Ngân hàng còn theo đuổi mục tiêu nâng cao trí lực Việt Nam với việc đồng hành cùng Dự án Vì Tầm vóc Việt do Tập đoàn TH chủ trì.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro dẫn đến tổn thất tài sản của các ngân hàng trong trường hợp khách hàng được cấp tín dụng không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ những cam kết đã nêu tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Bac A Bank đã triển khai áp dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm phòng ngừa rủi ro tín dụng. Trước hết là xây dựng, hoàn thiện và cập nhật chính sách, quy trình tín dụng, tiếp theo là chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý vay nợ. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng luôn đề cao việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ, tránh tình trạng cho vay theo thành tích.

Ngân hàng đa dạng hóa chế độ cho vay theo ngành với đối tượng khách hàng khác nhau để giảm thiểu rủi ro và nhất quán thực hiện tăng trưởng tín dụng theo định hướng đã đề ra là tập trung tín dụng vào lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục.

Để phòng ngừa rủi ro, Ngân hàng cũng tính toán để trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ theo quy định hiện hành.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi có sự chênh lệch về kỳ hạn, tính thanh khoản giữa vốn huy động và việc sử dụng vốn huy động của ngân hàng trong điều kiện lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến, điều này dẫn đến khả năng giảm thu nhập của ngân hàng so với dự tính.

Bac A Bank đã sử dụng các mô hình tài chính và công cụ khác nhau để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất để định kỳ lập các báo cáo về thị trường, đưa ra những nhận định về diễn biến, xu hướng biến đổi của lãi suất trên thị trường. Theo đó, Ngân hàng sẽ quyết định duy trì các mức lãi suất chênh lệch thích hợp trong hoạt động huy động vốn và hoạt động cho vay. chủ động áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu của thị trường, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn bình quân giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ.

Ngân hàng tăng cường huy động vốn, mở rộng các nguồn tín dụng có hiệu quả, đảm bảo cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ quy mô, cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn bằng VNĐ và ngoại tệ phù hợp với khả năng, kỳ hạn và cơ cấu vốn huy động.

Một chiến lược khác của Ngân hàng là phát triển các dịch vụ tiện ích để thu hút khách hàng mở tài khoản, thanh toán không dùng tiền mặt nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất trên thị trường.

1.6.3. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục Tài sản Nợ và Tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân hàng.

Bac A Bank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ.

Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở

hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại hối của toàn hệ thống về Hội sở chính. Các chi nhánh đều được đặt hạn mức giao dịch trong ngày và không có trạng thái ngoại hối vào cuối ngày. Tại Hội sở chính, các trạng thái ngoại hối phát sinh của toàn hệ thống đều được cân bằng kịp thời.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Ngân hàng đã xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý nguồn vốn tập trung tại Hội sở chính nhằm thực hiện dự trữ hợp lý, hạn chế lãng phí vốn, tăng lợi nhuận hoạt động, xây dựng danh mục đầu tư hợp lý. Ngân hàng dựa trên cơ sở dữ liệu quá khứ và định hướng hoạt động để xem xét và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm. Bên cạnh đó, công tác dự báo nhu cầu rút tiền của khách hàng trong từng thời kỳ cũng được Ngân hàng đặc biệt coi trọng nhằm có thể chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2015

Năm 2014 - 2015, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn, bất ổn chính trị tại một số khu vực Đông Âu, Trung Đông và Biển Đông đã ảnh hưởng lớn tới kinh tế thế giới thông qua các lệnh trừng phạt lẫn nhau giữa các quốc gia. Trong khi đó, các nước xuất khẩu dầu mỏ liên tục gia tăng sản lượng đã làm cho giá dầu thô trên thị trường thế giới liên tiếp giảm mạnh trong hai năm vừa qua. Điều này dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm mạnh, ảnh hưởng lớn đến các nước xuất khẩu. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá đồng Nhân dân tệ và sụt giảm tăng trưởng kinh tế Trung Quốc cũng tác động mạnh tới kinh tế thế giới.

Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội có phục hồi đáng kể, kinh tế xã hội cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát. Từ năm 2013 cho đến nay, với nỗ lực điều hành chính sách, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế đồng thời nhờ những tác động tích cực của sự phục hồi kinh tế thế giới, kinh tế trong nước bắt đầu có sự cải thiện, đặc biệt ghi nhận mức tăng trưởng đột phá trong năm 2015, đạt 6,68%, vượt 0,48% so với kế hoạch đề ra, CPI năm 2015 tăng 0,6%, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, sức sản xuất tiếp tục tăng so với năm trước, ...

Tuy nhiên, kinh tế xã hội còn không ít những khó khăn, sản xuất kinh doanh cũng chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị toàn cầu, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; hàng hóa

trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp.

Đối với hoạt động ngân hàng trong năm 2015, thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại tiếp tục được cải thiện, đảm bảo khả năng thanh toán và chi trả của hệ thống, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tỷ giá hối đoái bình quân của đồng Việt Nam so với đô la Mỹ giữ ổn định sau khi biến động mạnh vào giữa tháng 8/2015. Kết thúc giai đoạn tái cấu trúc hệ thống các TCTD 2011 – 2015, hoạt động của các TCTD được đảm bảo an toàn và có bước chuyển biến tích cực, năng lực tài chính được cải thiện, góp phần nâng cao khả năng đối phó với các khó khăn trong hoạt động ngân hàng, an toàn hệ thống các TCTD được bảo đảm và khả năng chi trả của các TCTD được cải thiện, nguy cơ đổ vỡ, mất an toàn hệ thống giảm dần. Tăng trưởng tín dụng được kiểm soát ở mức hợp lý, đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ vốn của nền kinh tế đi đôi với an toàn, chất lượng tín dụng. Dòng vốn tín dụng tiếp tục được phân bổ hợp lý, hướng tới các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các ngành, lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, mang lại hiệu quả thiết thực cho nền kinh tế và xã hội. Về xử lý nợ xấu, 99,6% nợ xấu của các TCTD ước tính tại thời điểm cuối tháng 9/2012 đã được xử lý; nợ xấu toàn hệ thống đã được đưa về mức 2,72% vào cuối năm 2015.

Trong bối cảnh kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng có nhiều thuận lợi và khó khăn đi kèm, hoạt động của Ngân hàng TMCP Bắc Á cũng đạt nhiều kết quả khả quan, nhiều chỉ tiêu có mức tăng trưởng lớn hơn trung bình toàn ngành.

BAC A BANK

Dư nợ tín dụng năm 2015

41.755 tỷ đồng

(tăng 14,59%)

Hoạt động tín dụng luôn là lĩnh vực quan trọng nhất của Ngân hàng. Tổng dư nợ tín dụng trong giai đoạn vừa qua liên tục tăng trưởng qua các năm. Dư nợ tín dụng của Ngân hàng tính đến hết ngày 31/12/2015 là 41.755 tỷ đồng, tăng 14,59% so với năm 2014 nằm trong giới hạn cho phép của NHNN. Tăng trưởng tín dụng đi kèm với đó là chất lượng tín dụng luôn được đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng được giữ ở mức dưới 3% từ năm 2013 trở lại đây, tại thời điểm 31/12/2015 là 0,65% trên tổng dư nợ.

Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng đúng với định hướng khi dư nợ hầu hết tập trung vào mục đích cho vay phát triển nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, không chú trọng tăng dư nợ vay các lĩnh vực không khuyến khích như bất động sản, chứng khoán, tiêu dùng.

BAC A BANK

Vốn điều lệ

4.400 tỷ đồng

Về **vốn điều lệ**, tính đến thời điểm 31/12/2015, vốn điều lệ của BAC A BANK là 4.400 tỷ đồng. Cuối năm 2015, Ngân hàng đã nhận được văn bản chấp thuận của NHNN về việc tăng vốn điều lệ từ 4.400 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo phương án mà Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Bắc Á năm 2015 đã thông qua. Trong tháng 1 năm 2016, Ngân hàng đã thực hiện tăng vốn điều lệ lần 1 lên 4.511 tỷ đồng.

BAC A BANK

Lợi nhuận sau thuế năm 2015

360 tỷ đồng

(tăng 31,5%)

Kết quả kinh doanh đạt kết quả khả quan và tăng trưởng liên tục từ năm 2013 đến nay. Lợi nhuận sau thuế trong năm 2015 tăng trưởng 31,5% so với năm 2014, đạt 360 tỷ đồng, đạt giá trị cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

BAC A BANK

Huy động vốn khách hàng
năm 2015

56.879 tỷ đồng

(tăng 9,61%)

Năm 2015, tổng vốn huy động của Ngân hàng là 56.879 tỷ đồng tăng trưởng 9,61% tương ứng tăng 4.988 tỷ đồng so với năm 2014. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 chiếm tỷ trọng 93% tổng huy động vốn; huy động vốn thị trường 2 chỉ chiếm tỷ trọng 7%. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản..

BAC A BANK

Mạng lưới: **94** điểm giao
dịch đang hoạt động

Nhân sự: **1.448** người

Mạng lưới hiện tại gồm Hội sở chính, Văn phòng Hội sở, 22 chi nhánh và 70 phòng giao dịch, quỹ tiết kiệm trên 14 tỉnh thành cả nước. Đến cuối năm 2015, tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng là 1.448 người.

Bên cạnh đó BAC A BANK đã được NHNN chấp thuận thành lập thêm 04 Chi nhánh và 05 Phòng Giao dịch, mở rộng hoạt động ra các địa bàn mới gồm: Thái Nguyên, Bắc Giang, Hà Nam và Đà Lạt, dự kiến các điểm giao dịch này sẽ đi vào hoạt động trong năm 2016.

2.2. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án



Bên cạnh hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư có vai trò không nhỏ trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tính đến hết năm 2015, tổng các khoản mục đầu tư (bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn) của Ngân hàng là 15.472 tỷ đồng, duy trì tỷ trọng hợp lý trên tổng tài sản.

Ngân hàng chú trọng đầu tư trái phiếu đặc biệt là trái phiếu chính phủ và trái phiếu các TCTD với độ an toàn cao và thanh khoản tốt, mặt khác cũng mang lại hiệu quả kinh doanh, giảm bớt sự phụ thuộc nguồn thu từ hoạt động tín dụng. Ngân hàng đầu tư trái phiếu với tỷ trọng lên tới trên 90% tổng giá trị đầu tư trong 3 năm trở lại đây.

Ngân hàng không chú trọng đầu tư cổ phiếu, từ năm 2014 trở lại đây, tỷ trọng cổ phiếu chỉ còn chiếm dưới 1% về giá trị trên tổng danh mục đầu tư của Ngân hàng, trong đó chủ yếu là cổ phiếu đã niêm yết. Do đó, Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi những biến động, diễn biến bất lợi trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn vừa qua.

Tổng các khoản góp vốn dài hạn của Ngân hàng chiếm 1,98% tổng giá trị khoản mục đầu tư, góp vốn. Hầu hết các dự án, doanh nghiệp mà Ngân hàng góp vốn đầu tư đều là các dự án có hiệu quả và tiềm năng phát triển tốt, bên cạnh đó chú trọng đầu tư vào lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành mang tính an sinh xã hội và phục vụ nhu cầu thiết yếu của dân sinh, đúng theo định hướng phát triển và mục tiêu hoạt động của Ngân hàng.

Tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng chỉ có duy nhất một công ty con - Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bắc Á - với vốn điều lệ là 125 tỷ đồng và do Ngân hàng sở hữu 100%.

2.3. Hiệu quả sinh lời

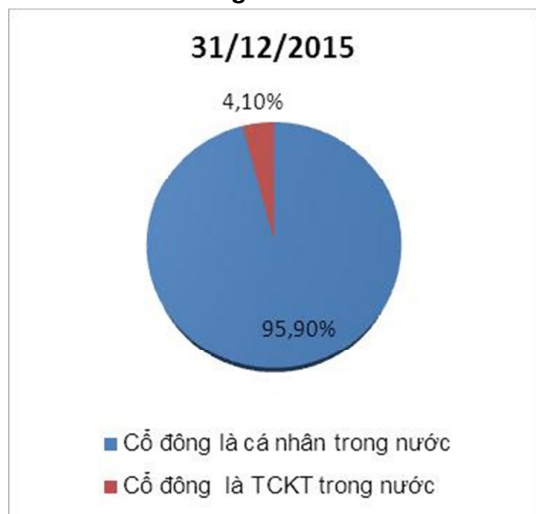
Trong các năm vừa qua, mặc dù nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng còn đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng sau những nỗ lực thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô, nền kinh tế đã đạt được những kết quả nhất định: tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn, tăng trưởng GDP năm sau cao hơn năm trước và vẫn đảm bảo được an sinh xã hội. Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, Ngân hàng Bắc Á đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan với lợi nhuận liên tục tăng trưởng qua các năm.

Năm 2013 lợi nhuận sau thuế tăng 456,07% so với năm 2012, năm 2014 chỉ tiêu này tăng 42,53% so với năm 2013. Năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 360 tỷ đồng, tăng 31,50% so với năm 2014. Cùng với đà tăng trưởng cao của lợi nhuận, các chỉ tiêu thể hiện hiệu quả sinh lời ngày càng được nâng cao. Năm 2013, Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) và Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) lần lượt là 6,39% và 0,38%, năm 2014 các tỷ lệ này lần lượt là 7,39% và 0,48%, và năm 2015 tỷ suất ROE là 8,18%, ROA đạt 0,57% đạt mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây.

Sự tăng trưởng không ngừng của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu trong giai đoạn vừa qua không những làm tăng quy mô và vị thế mà còn nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng với hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu ngày càng được nâng cao.

2.4. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

• Cơ cấu cổ đông



Tiêu chí phân loại	31/12/2015	31/12/2014
Cổ đông là cá nhân trong nước	95,9%	95,2%
Cổ đông là TCKT trong nước	4,1%	4,8%
Cổ đông là TCTD trong nước	0	0
Cổ đông là tổ chức/ cá nhân nước ngoài		0

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh năm 2015

❖ Kết quả kinh doanh

Tiếp nối đà tăng trưởng từ năm các năm trước, năm 2015 tiếp tục là năm khá thành công của BAC A BANK với tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế đạt khá cao (tăng 31,50% so với năm 2014), đạt giá trị 360 tỷ đồng. Đây là thành quả của định hướng đúng và chỉ đạo chiến lược với đường lối kinh doanh riêng biệt, trong đó tập trung đầu tư, cho vay vào lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất, chế biến phụ trợ, y tế và giáo dục; mặt khác không ngừng phát triển dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao hiệu quả đầu tư, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh một cách bền vững, đa dạng hóa nguồn thu nhập.

Đây cũng là kết quả của việc sử dụng nguồn vốn khả dụng có hiệu quả, tăng trưởng tín dụng bền vững đi kèm với chất lượng tín dụng được đảm bảo, hoạt động đầu tư linh hoạt và hiệu quả, hoạt động dịch vụ được đẩy mạnh phát triển từ đó tăng nguồn thu nhập bền vững. Mặt khác, sự ổn định kinh tế vĩ mô và trong hoạt động ngành như mặt bằng lãi suất, tỷ giá, thanh khoản... cũng là điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của BAC A BANK.

❖ Hoạt động tư vấn đầu tư được đẩy mạnh

Bên cạnh việc kinh doanh các dịch vụ tài chính, Ngân hàng TMCP Bắc Á đặc biệt chú trọng tư vấn đầu tư các lĩnh vực mang tính an sinh xã hội và luôn theo đuổi chiến lược phát triển bền vững. Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung tư vấn đầu tư vào các dự án có mục tiêu cải thiện chất lượng sống như chế biến thực phẩm sạch, sữa sạch, dược liệu sạch hay các bệnh viện, trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam. Đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp BAC A BANK gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững. Điển hình là các dự án: Dự án TH true milk, Dự án dược liệu TH Herbal, TH School, Dự án rau quả sạch FVF, M&A nhà máy đường Tate & Lyle v.v..

❖ Phát triển mạng lưới rộng khắp, ưu tiên địa bàn sản xuất nông nghiệp

Mạng lưới giao dịch của Ngân hàng Bắc Á tính đến thời điểm 31/12/2015 có 94 điểm giao dịch, gồm Hội sở chính, 22 Chi nhánh và 71 Phòng giao dịch - Quỹ tiết kiệm trên 14 tỉnh thành cả nước.

Trong năm 2015, Ngân hàng đã thành lập mới 4 chi nhánh, và 4 phòng giao dịch, mở rộng hoạt động ra 2 tỉnh là Vĩnh Phúc và Quảng Ninh. Theo kế hoạch về mạng lưới, Ngân hàng sẽ tiếp tục xin cấp phép để mở rộng phạm vi hoạt động tại các tỉnh thành phố khác trong cả nước. Trong hệ thống mạng lưới, có nhiều điểm giao dịch được đặt tại các địa bàn mà hoạt động nông nghiệp là chủ yếu, với mục tiêu góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn theo đúng định hướng Ngân hàng đã đặt ra và được Đảng và Chính phủ khuyến khích.

❖ Phát triển và hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ

Từ cuối năm 2010, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã đầu tư thành công Dự án Core Banking hiện đại hóa công nghệ thông tin. Ngân hàng luôn nhận thức rõ xu thế hiện đại hóa công nghệ đang diễn ra mạnh mẽ, do đó Ngân hàng luôn coi hiện đại hóa công nghệ là một trong các nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Ngân hàng hiện đang phát triển các Dự án phần mềm hiện đại, chuyên sâu vào các mảng nghiệp vụ như Quản lý rủi ro, Treasury (quản lý cân đối vốn, kinh doanh vốn và ngoại tệ),... Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đã đầu tư thành công các Dự án về ATM, POS, Internet Banking, SMS Banking, đã đầu tư hoàn thành hạ tầng, phần mềm quản lý, kết nối thanh toán.

❖ Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như của nền kinh tế, Ngân hàng luôn cải tiến không ngừng chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong giai đoạn vừa qua Ngân hàng đã đưa ra nhiều sản phẩm mới, tiện ích và nhận được sự quan tâm chú ý của nhiều khách hàng. Ngân hàng đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển hệ thống ATM, hệ thống POS, kết nối với các liên minh thanh toán thẻ và các ngân hàng khác; hệ thống True Ecommerce; thực hiện nâng cấp và tích hợp thêm các tiện ích của ngân hàng trực tuyến (Internet Banking), ngân hàng di động (Mobile Banking); khai thác dịch vụ chuyển tiền qua số thẻ 24/24h; thực hiện các chương trình VOC - Chương trình tiếng nói khách hàng nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ cũng như thấu hiểu khách hàng...

Cũng trong các năm qua, hàng loạt các chương trình khuyến mại, các gói sản phẩm tiết kiệm cho vay hấp dẫn được triển khai. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết, tìm kiếm đối tác chiến lược để mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ, bán chéo sản phẩm. Trong đó, Ngân hàng đang ký hợp đồng hợp tác đại lý bảo hiểm cho Công ty MenuLife, Generali, Pijico và Công ty BIC.

Năm 2015 một loạt các sản phẩm, chương trình mới hấp dẫn được triển khai như “Rình xe về nhà, Quà về tận cửa”, “Nhận quà, Trúng vàng, Đón Xuân vui”.

❖ Công tác thương hiệu

Ra đời từ cuối năm 1994, từ 1 điểm giao dịch duy nhất cũng là trụ sở chính đặt tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, với vốn ban đầu còn khiêm tốn. Ngay từ những ngày đầu thành lập, ban lãnh đạo BAC A BANK đã nhận thức rõ tầm quan trọng của thương hiệu. Theo đó mỗi cán bộ sẽ là các đại sứ thương hiệu, mang trên mình trách nhiệm đem đến sự hài lòng và nhận biết cho khách hàng về BAC A BANK.

Ngày 21/12/2012 đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của Ngân hàng, khi chính thức công bố sự kiện ra mắt Hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng TMCP Bắc Á được thiết kế để phản ánh hình ảnh và chiến lược phát triển mới: hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng vẫn giữ được nét bản sắc truyền thống Việt Nam.

Ngân hàng đầu tư mới cơ sở vật chất theo chuẩn nhận diện thương hiệu mới, đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu hình ảnh của Ngân hàng TMCP Bắc Á. Bên cạnh đó, phát triển dịch vụ đi liền với nâng cao chất lượng phục vụ không ngừng, xây dựng hình ảnh một ngân hàng đa năng, hiện đại và tận tâm.

Công tác thương hiệu giai đoạn vừa qua được triển khai rất tốt, tạo hiệu ứng sâu rộng trong công chúng, góp phần tích cực trong việc nâng cao vị thế Ngân hàng trong ngành và nâng cao uy tín, hình ảnh đối với khách hàng.

Hiện nay, Bac A Bank được biết đến là một ngân hàng đi tiên phong trong việc tư vấn, cấp tín dụng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp nông thôn. Bac A Bank sẽ kiên trì theo mục tiêu này nhằm đưa thể hệ doanh nghiệp vừa và nhỏ lên một tầm cao mới, thức dậy tài nguyên và trí tuệ Việt Nam, tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững.

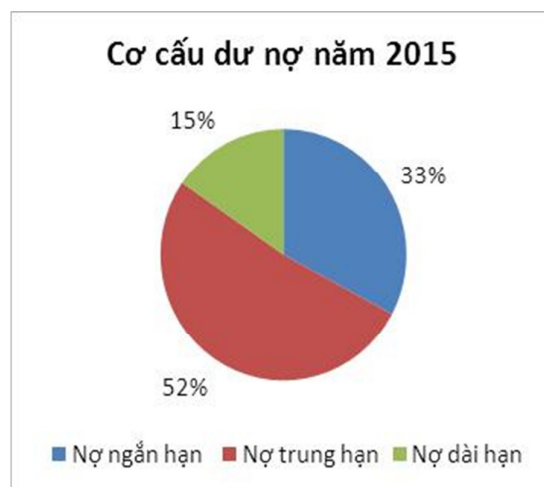
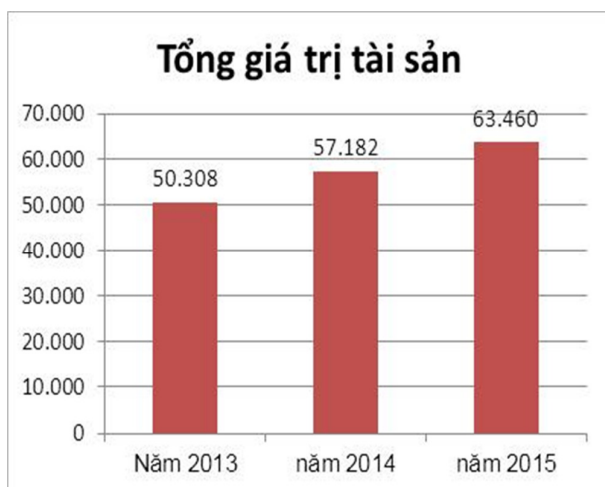
3.2. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính nổi bật năm 2015

3.2.1. Tình hình tài sản

Trong cơ cấu tài sản Ngân hàng, tín dụng và các khoản mục đầu tư luôn chiếm tỷ trọng cao trong bảng tổng tài sản. Trong năm 2015, các khoản mục tài sản của Ngân hàng tăng trưởng ổn định và đi kèm với đó là chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định.

Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định với cơ cấu hợp lý, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng

Trong suốt những năm qua, BAC A BANK luôn kiên định con đường hướng tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp nông thôn và các ngành phụ trợ, mang tính an sinh xã hội nhằm tạo ra các giá trị cốt lõi và bền vững. Với đường lối đó, Ngân hàng đã tập trung tín dụng và tư vấn đầu tư vào các doanh nghiệp, dự án nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng như bệnh viện, trường học, sản xuất dược liệu và sữa tươi sạch...



Cuối năm 2015, tổng dư nợ tín dụng đạt 41.755 tỷ đồng, tăng trưởng 14,59% so với năm 2014. Xét về cơ cấu theo kì hạn, Ngân hàng chuyển dịch cơ cấu cho vay theo hướng tăng dần tỷ trọng cho vay trung dài hạn, đảm bảo phù hợp cơ cấu kỳ hạn của nguồn vốn. Năm 2015, tỷ trọng dư nợ trung dài hạn đạt 67,2% trên tổng dư nợ đạt giá trị 28.080 tỷ đồng, dư nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng 32,8%, đạt giá trị 13.675 tỷ đồng. Cơ cấu dư nợ theo kì hạn của Ngân hàng luôn bám sát chiến lược theo từng thời kì, đảm bảo cân đối về kì hạn với nguồn vốn huy động, từ đó góp phần quản lý thanh khoản hiệu quả và giảm thiểu rủi ro về lãi suất.

Cùng với sự tăng trưởng bền vững của hoạt động tín dụng theo định hướng đã đề ra, chất lượng tín dụng cũng luôn được BAC A BANK quan tâm đúng mức. Ngân hàng TMCP Bắc Á luôn thực hiện việc kiểm soát chính sách tín dụng một cách chặt chẽ và thận trọng. Công tác rà soát, phân loại nợ và trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của NHNN luôn được thực hiện nghiêm túc. Cuối năm 2015, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng là 0,65% tổng dư nợ.

Ngân hàng thực hiện đầu tư được linh hoạt, hiệu quả

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, đồng thời giảm dần phụ thuộc thu nhập từ tín dụng, ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và luôn duy trì tỷ trọng đầu tư hợp lý trong tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là đầu tư trái phiếu chính phủ và trái phiếu các TCTD với ưu điểm ít rủi ro và có tính thanh khoản tốt; không chú trọng đầu tư cổ phiếu. Với nguồn vốn khả dụng dồi dào trong khi tăng trưởng tín dụng thận trọng, kênh đầu tư chứng khoán là kênh tối ưu, vừa đảm bảo khả năng sinh lời vừa đảm bảo tính thanh khoản cao cho Ngân hàng, đồng thời cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc thu nhập vào hoạt động tín dụng.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Ngân hàng đã ban hành một loạt các chính sách huy động vốn, không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Năm 2015, Ngân hàng triển khai thêm các chương trình khuyến mãi mới bên cạnh các chương trình đang triển khai và thu hút được sự quan tâm chú ý của khách hàng như “Rinh xe về nhà, Quà về tận cửa”, “Nhận quà, Trúng vàng, Đón Xuân vui”.

Năm 2015, tổng vốn huy động của Ngân hàng là 56.879 tỷ đồng tăng trưởng 9,61% tương ứng tăng 4.988 tỷ đồng so với năm 2014. Trong đó, huy động vốn thị trường 1 chiếm tỷ trọng 93% tổng huy động vốn; huy động vốn thị trường 2 chỉ chiếm tỷ trọng 7%. Với cơ cấu này, Ngân hàng hoàn toàn chủ động về nguồn vốn khả dụng, không bị phụ thuộc vào thị trường 2 và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Đạt được kết quả tích cực trong công tác huy động vốn có sự đóng góp không nhỏ của hệ thống nhận diện thương hiệu mới của Ngân hàng đã tạo được dấu ấn tốt và niềm tin cho khách hàng. Sau thời gian

tự tái cấu trúc chuyển đổi sang mô hình hoạt động mới của một ngân hàng thương mại hiện đại, đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm mới nhằm phục vụ khách hàng tốt hơn, tính chuyên nghiệp hóa trong hoạt động của Ngân hàng đã được nâng cao và đã tạo được ấn tượng tốt với các khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng.

Trong thời gian qua Ngân hàng phát triển các dịch vụ, tiện ích phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, bên cạnh đó không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, tăng cường khuyến mãi, quà tặng tri ân khách hàng thân thiết nhằm tạo mối quan hệ gắn bó. Bên cạnh đó, công tác đào tạo cán bộ chăm sóc khách hàng cũng luôn chú trọng để đảm bảo chất lượng cán bộ được đào tạo chuyên sâu và chuyên nghiệp.

3.3. Kế hoạch phát triển

BAC A BANK với mục tiêu sẽ hoàn thành chuẩn mực hóa các tiêu chí của một ngân hàng có quy mô vừa phục vụ tư vấn các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, thực hiện mục tiêu đưa thể hệ các nhà đầu tư này lên một tầm cao mới, hòa nhập với quốc tế trong giai đoạn 2015 - 2020.

Các nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2016 là:

- Tiếp tục cơ cấu lại danh mục và nâng cao chất lượng tài sản, đảm bảo cân đối các kỳ hạn giữa tài sản, công nợ thông qua tiến hành đánh giá chất lượng tài sản, khả năng thu hồi và giá trị của nợ xấu, tiếp tục thực hiện động bộ các biện pháp xử lý nợ xấu để duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp. Duy trì tỷ lệ dư nợ tín dụng so với huy động vốn dưới mức 80%.
- Hoạt động tín dụng năm 2016 tiếp tục phát triển dư nợ cho vay theo định hướng tập trung cho vay các lĩnh vực ưu tiên cho nhóm doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế, giáo dục và các ngành nghề phụ trợ. Tiếp tục thúc đẩy phát triển đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng tại chi nhánh để nâng cao năng lực và hiệu quả kinh doanh.
- Năm 2016, hoạt động dịch vụ bản lẻ tiếp tục được quan tâm thúc đẩy phát triển. Tiếp tục tập trung xây dựng các sản phẩm mới, đầu tư nâng cấp hạ tầng, hoàn thiện các sản phẩm hiện có. Các đơn vị kinh doanh tăng cường công tác cung ứng và bán các sản phẩm để nâng cao tỷ trọng thu từ hoạt động dịch vụ trên tổng doanh thu tại đơn vị.
- Đẩy mạnh công tác huy động vốn từ khách hàng là dân cư và tổ chức kinh tế, đồng thời tập trung cơ cấu lại nguồn vốn huy động để nâng tỷ trọng tiền gửi kỳ hạn dài trong tổng huy động vốn, chú trọng nguồn vốn giá rẻ và tăng dần tỷ trọng tiền gửi của tổ chức kinh tế đảm bảo nguồn vốn an toàn và hiệu quả hơn.
- Xây dựng, đổi mới, hoàn thiện các chính sách nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản trị của BAC A BANK. Đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại. Xây dựng chính sách tiền lương, tiền thưởng của cá nhân, tập thể phải gắn kết với kết quả kinh doanh để thúc đẩy, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Thúc đẩy các chương trình để nâng cao hình ảnh, thương hiệu BAC A BANK sau năm năm đến với công chúng; tiếp tục hỗ trợ cho công tác phát triển mở rộng thị trường, hỗ trợ đẩy mạnh bán sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công tác mở rộng mạng lưới tiếp tục hoàn thiện xây dựng và đưa vào hoạt động các chi nhánh đã được cấp phép. Khảo sát và nâng cấp các quỹ tiết kiệm, điểm giao dịch thành phòng giao dịch theo quy định.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro về tín dụng, rủi ro thị trường, thanh khoản, rủi ro hoạt động, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế và phát hiện kịp thời các sai phạm trong hoạt động kinh doanh.

- Năm 2016, tiếp tục xây dựng, bổ sung sửa đổi, chuẩn hóa các quy trình, quy chế nội bộ, nội quy hoạt động để phù hợp với sự phát triển của Ngân hàng TMCP Bắc Á và phù hợp với môi trường hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư, nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống công nghệ thông tin.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Tình hình thế giới năm 2015 diễn ra trong bối cảnh tiếp tục có nhiều biến động, tranh chấp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm và không đồng đều giữa các nước, các khu vực kinh tế. Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu với việc giảm giá của đồng Nhân dân tệ, giá dầu thi giảm liên tục, FED tăng lãi suất đồng USD... đã có tác động lớn đến kinh tế thế giới. Nền kinh tế Việt Nam năm 2015 có nhiều chuyển biến tích cực và theo đúng mục tiêu định hướng của Chính phủ đề ra từ đầu năm

Hoạt động ngân hàng và thị trường tiền tệ với một năm khá thành công và ổn định. Các công cụ chính sách tiền tệ được NHNN điều hành linh hoạt đảm bảo thực hiện các mục tiêu như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, đảm bảo thanh khoản, ổn định thị trường.... Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục thúc đẩy quá trình tái cơ cấu hệ thống TCTD mà trọng tâm là công tác xử lý nợ xấu, xử lý ngân hàng yếu kém và ban hành các chính sách quan trọng nhằm tăng cường sự giám sát, nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các TCTD.

Đối với BAC A BANK, tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và các mục tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành và toàn hệ thống phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, tồn tại, đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm.

4.2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Năm 2016 là năm đầu tiên trong giai đoạn 2016 – 2020, là năm tạo tiền đề để hoàn thành kế hoạch của cả giai đoạn. Tiếp tục với định hướng tập trung ưu tiên tư vấn đầu tư và cho vay đối với các ngành nghề ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, dược liệu, y tế và giáo dục, đưa Ngân hàng phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Chỉ đạo điều hành toàn hệ thống BAC A BANK thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 được Đại hội cổ đông thông qua tại Đại hội này. Hội đồng Quản trị chủ trương không chạy theo tăng trưởng bằng mọi giá mà phát triển an toàn, ổn định và bền vững. Tập trung các giải pháp chú trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và quản trị rủi ro.

Đối với Tài sản có: Tăng trưởng tổng tài sản theo đúng kế hoạch, tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả của tài sản. Trong đó, thực hiện tăng trưởng tín dụng heo đúng định hướng, lĩnh vực ưu tiên và thực hiện nghiêm túc chỉ tiêu tăng trưởng được giao của NHNN. Chuyển dịch cơ cấu kỳ hạn cho vay phù hợp với nguồn vốn, quản lý lãi suất phù hợp với diễn biến của thị trường, tiếp tục nâng cao hiệu quả danh mục đầu tư đảm bảo khả năng thanh khoản, đồng thời đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Đối với Tài sản nợ: tiếp tục thúc đẩy huy động vốn đặc biệt là huy động vốn thị trường 1 và chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn bền vững theo hướng tăng tỷ trọng kỳ hạn trung - dài hạn. Bên cạnh đó không ngừng đa dạng hóa sản phẩm phát triển đồng bộ các dịch vụ hiện đại, nâng cao công tác chăm sóc khách hàng từ đó không ngừng thu hút khách hàng đến với BAC A BANK.

Nâng cao chất lượng tín dụng: duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% với các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung thu hồi nợ tồn đọng, tăng trích lập dự phòng rủi ro và xử lý nợ xấu từ quý Dự phòng rủi ro, xem xét tiếp tục bán thêm nợ xấu cho VAMC khi cần thiết.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư: Rà soát, đánh giá lại toàn bộ danh mục các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần và thực hiện giảm dần các khoản đầu tư kém hiệu quả hoặc không ưu tiên, cơ cấu lại danh mục đầu tư vào các ngành ưu tiên và có hiệu quả.

Cơ cấu lại và phát triển mạng lưới: Tiếp tục rà soát để cơ cấu lại các Chi nhánh, PGD hoạt động không hiệu quả. Lập kế hoạch và triển khai phát triển mạng lưới trên toàn quốc phù hợp với quy mô vốn và kế hoạch phát triển kinh doanh.

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo, chủ chốt. Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động các ủy ban như Ủy ban ALCO, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự... Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên, bổ sung các chương trình hỗ trợ để tăng sự gắn bó, gắn kết, tạo động lực phấn đấu cho nhân viên như đưa ra các sản phẩm cho vay tiêu dùng CBNV, lãi suất ưu đãi, tiếp tục các chương trình phúc lợi công đoàn ...

Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tăng cường công tác quản trị rủi ro về tín dụng, rủi ro thị trường, thanh khoản, rủi ro hoạt động, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế và phát hiện kịp thời các sai phạm trong hoạt động kinh doanh. Kịp thời ban hành và triển khai các quy trình quy chế còn thiếu trong các mặt hoạt động nghiệp vụ.

Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư vào các dự án công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật cho các hoạt động nghiệp vụ, các sản phẩm dịch vụ nhằm tiến một bước về hiện đại hóa công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật.

Thương hiệu và văn hóa công ty: Quản trị thương hiệu tốt nhằm nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu. Tăng cường công tác truyền thông nội bộ để xây dựng văn hóa mang đậm bản sắc của BAC A BANK.

Nâng cao tính công khai, minh bạch trong mọi hoạt động: Công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động từ hoạt động quản trị điều hành, tổ chức, nhân sự, thu chi tài chính, mua sắm tài sản, đầu tư dự án đến các hoạt động như đầu tư, tư vấn cho vay, huy động vốn, tài chính kế toán, báo cáo thống kê,...Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1. Hội đồng Quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Tính đến thời điểm 31/12/2015, các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Bắc Á gồm có: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ (ALCO) và Hội đồng tín dụng.

➤ Ủy ban Quản lý rủi ro:

Trong quá trình hoạt động, Ủy ban Quản lý rủi ro đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao; tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành mới/sửa đổi bổ sung các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến công tác quản trị/quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bắc Á. Ủy ban có nhiệm vụ thường xuyên phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng TMCP Bắc Á trước các nguy cơ, các rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban cũng tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định, phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng Quản trị giao.

➤ **Ủy ban Nhân sự:**

Ủy ban Nhân sự tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu nhân sự HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng. Đồng thời, tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Ủy ban Nhân sự nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của ngân hàng, đảm bảo chính sách nhân sự của Ngân hàng có thể cạnh tranh với các ngân hàng khác có cùng quy mô và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế.

Bên cạnh đó, xem xét, đề xuất kế hoạch ngân sách năm cho nhân viên; tỷ lệ phần trăm trong ngân sách dành cho các hạng mục chi phí như lương, thưởng, đào tạo, hoạt động ngoại khóa trình HĐQT phê duyệt; quyết định lựa chọn các đối tác tham gia và nội dung dự án hợp tác, tư vấn liên quan đến lĩnh vực nhân sự và thực hiện các nhiệm vụ khác về nhân sự theo phân công, chỉ đạo của HĐQT.

➤ **Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ (ALCO):**

Ủy ban Quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ có chức năng đảm bảo toàn bộ Tài sản Có – Tài sản Nợ trên Bảng cân đối kế toán của ngân hàng về quy mô, cơ cấu luôn được kiểm soát, phù hợp với mục tiêu, hạn mức và chính sách quản lý của Ngân hàng; Quyết định các chính sách, các hạn mức về quản trị Tài sản Có – Tài sản Nợ, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, bền vững, cũng như đảm bảo sự phù hợp với diễn biến thị trường, rủi ro thị trường hiện tại và tương lai.

Định kỳ, Ủy ban đánh giá việc thực hiện các chính sách mục tiêu, hạn mức đã được quyết định về quản lý các loại rủi ro ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh, mức độ an toàn vốn, về định giá điều chuyển vốn nội bộ và giám sát thường xuyên việc chấp hành các chính sách, các chỉ tiêu các hạn mức do ALCO quy định về quản lý Tài sản Có – Tài sản Nợ đối với các đơn vị trong Ngân hàng. Mặt khác, Ủy ban ALCO sẽ xử lý các tình huống đặc biệt trong trường hợp nhận được báo cáo bất thường từ các thành viên ALCO hoặc từ các đơn vị trong Ngân hàng.

➤ **Hội đồng tín dụng:**

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tín dụng vượt hạn mức quyết định của các Ban tín dụng tại chi nhánh, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất của các bộ phận chuyên môn; xem xét việc miễn giảm lãi, phí liên quan đến tín dụng theo Quy chế miễn giảm lãi, phí của BAC A BANK; tham mưu cho HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

Hoạt động và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nghiêm túc triển khai, thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, từng bước đưa Ngân hàng TMCP Bắc Á trở thành ngân hàng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc và sát sao việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ Ngân hàng và quy chế Quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời chỉ đạo, phối hợp với Ban điều hành để triển khai các nhiệm vụ, định hướng mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Hội đồng Quản trị thực hiện trách nhiệm giám sát thường xuyên đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành qua các cuộc họp định kỳ. Tổng Giám đốc tham dự đầy đủ các buổi họp, báo cáo tình hình mọi mặt hoạt động của Ngân hàng cũng như các kế hoạch sắp tới. Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc cũng đưa ý kiến xây dựng quan trọng, đề xuất các kế hoạch trình Hội đồng Quản trị; trên cơ sở đó, HĐQT đưa ra các quyết định kịp thời hoặc phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện, triển khai thực hiện.

Quan hệ nhà đầu tư và cổ đông

Ngân hàng TMCP Bắc Á luôn chú trọng công tác công bố thông tin đối với các cơ quan quản lý và nhà đầu tư. Ngân hàng đã thực hiện một loạt các biện pháp đồng bộ nhằm tăng tính minh bạch hóa hoạt động của Ngân hàng thông qua việc áp dụng cơ chế mới về công bố thông tin của các Tổ chức tín dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác truyền thông các thông tin cần công bố đúng thời điểm, đúng quy định bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau nhằm tạo sự công bằng trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin của các bên liên quan.

5.2. Ban Kiểm soát

Về giám sát hoạt động hệ thống

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Bắc Á và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát, bao gồm các nội dung chính:

- Giám sát thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ đối với HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý trong việc điều hành hoạt động Ngân hàng;
- Ban kiểm soát sử dụng bộ máy Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ thường xuyên và liên tục. Đối tượng kiểm toán là các Chi nhánh, Phòng giao dịch, các Khối, Phòng/Ban tại Hội sở và các công ty trực thuộc. Việc kiểm toán được thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo các yêu cầu cần thiết cấp bách của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - Trong năm 2015, Ban Kiểm toán nội bộ đã tiến hành kiểm toán tại 18/22 chi nhánh đang hoạt động trực thuộc Ngân hàng trên ba miền Bắc, Trung, Nam và một công ty trực thuộc là Công ty Quản lý và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bắc Á (Công ty BacA – AMC). Các nội dung kiểm toán bao gồm: Kiểm toán các khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của khách hàng, các tài khoản tạm ứng, công tác huy động vốn, cấp tín dụng, công tác quản lý thu chi tài chính; Kiểm toán công tác hậu kiểm, hoạt động kho quỹ, và một số hoạt động khác như công tác điều chuyển vốn, các công tác liên quan đến tài chính, nhân sự ...
 - Chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ được nâng cao hơn, nội dung kiểm toán và các kiến nghị đề xuất tập trung vào quy trình nghiệp vụ và hệ thống kiểm soát nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro vận hành, tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng TMCP Bắc Á. Các phát hiện, kiến nghị của kiểm toán nội bộ đã được báo cáo đầy đủ lên HĐQT và Ban điều hành, làm cơ sở để HĐQT, Ban điều hành có chỉ đạo các Chi nhánh, đơn vị có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm.
 - Các yêu cầu chỉnh sửa, các kiến nghị của thanh tra các cấp được giám sát thực hiện cơ bản hoàn tất đến cuối năm 2015.

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng; Ban Kiểm soát tham gia, thảo luận, đóng góp ý kiến trong các phiên họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị với Ban Điều hành. Mặt khác, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã cung cấp các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Ý kiến về Báo cáo tài chính

Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Báo cáo tài chính của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu đã quy định, đã trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2015, phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

Đánh giá các mặt hoạt động

Qua kiểm tra, kiểm soát cho thấy nhìn chung việc chấp hành các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và nội bộ về chế độ kế toán tài chính, tín dụng, tiền tệ kho quỹ... trong toàn hệ thống Ngân hàng được thực hiện tương đối đầy đủ, nghiêm túc. Các sai sót, tồn tại được phát hiện qua công tác kiểm soát nội bộ gần như đã được các đơn vị chấn chỉnh hoàn toàn trong năm.

Về hoạt động tài chính kế toán, công tác hạch toán kế toán chấp hành theo đúng quy định, các chứng từ kèm theo đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp. Tài liệu chứng từ và sổ sách kế toán được đóng và lưu trữ đầy đủ, khoa học. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động luôn đảm bảo đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Về hoạt động tiền tệ, kho quỹ, toàn hệ thống, các đơn vị đều chấp hành nghiêm túc công tác quản lý kho quỹ, vận chuyển, giao nhận tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, mở đầy đủ các loại sổ sách về nghiệp vụ ngân quỹ như sổ nhật ký, sổ ra vào kho, sổ theo dõi giấy tờ có giá... Hệ thống két bạc, kho tiền được trang bị, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, mỗi đơn vị đều được trang bị xe chuyên dụng để vận chuyển tiền.

Về hoạt động tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ nghiệp vụ tín dụng bằng nhiều hình thức như: sử dụng linh hoạt công cụ hạn mức phán quyết tín dụng cấp cho các đơn vị trong hệ thống, tái thẩm định chặt chẽ các khoản cho vay vượt hạn mức, rà soát khách hàng để phân loại nợ, lập kế hoạch thu hồi nợ đối với những khoản nợ đến hạn trả cũng như các khoản nợ quá hạn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ xa... do vậy đã hạn chế được nhiều rủi ro, hạn chế phát sinh nợ quá hạn mới.

Hoạt động huy động vốn của Ngân hàng TMCP Bắc Á vẫn tiếp tục tăng trưởng trong năm qua và chấp hành nghiêm túc trần lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Về hoạt động quản trị và điều hành, trong năm qua cơ bản đảm bảo mục tiêu an toàn hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, không có sự việc nào xảy ra ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng. Trong năm qua Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Ngân hàng thường xuyên quan tâm quản trị ngân hàng về tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động và các mặt nghiệp vụ, đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng tuân thủ theo quy định của pháp luật.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

- **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015 là 0,25% lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2015 vừa qua, Hội đồng Quản trị đã tích cực chỉ đạo việc chấp hành nghiêm túc các quy định Ngân hàng Nhà nước cũng như nội bộ về quản trị trong nội bộ Ngân hàng và chỉnh sửa, bổ sung kịp thời các quy định phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật hiện hành.

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2015 (Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG	Trang
THÔNG TIN CHUNG	02
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06 - 51
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 51

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2900325526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 26 ngày 29/07/2015.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch	
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch	
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên	
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2015)
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên	
Bà Hoàng Hồng Hạnh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 04 năm 2015)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Hanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Đức Việt	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 09 tháng 12 năm 2015)
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015)
Ông Lê Ngọc Hồng Nhật	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 10 năm 2015)
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng ban
Ông Thái Đình Long	Thành viên
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 6 đến trang 51. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thái Hương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2015

Phạm Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0777-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	744.753	684.005
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	397.723	526.371
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	1.747.487	1.539.142
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		387.077	328.412
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		1.430.910	1.281.230
3	Dự phòng rủi ro		(70.500)	(70.500)
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	97.681	135.437
1	Chứng khoán kinh doanh		121.187	159.210
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(23.506)	(23.773)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác			2.813
VI	Cho vay khách hàng		41.272.165	36.085.186
1	Cho vay khách hàng	7	41.754.607	36.438.223
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(482.442)	(353.037)
VIII	Chứng khoán đầu tư	9	14.980.757	13.874.650
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		14.419.064	13.789.648
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		625.875	124.320
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(64.182)	(39.318)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	268.678	564.352
4	Đầu tư dài hạn khác		306.243	626.223
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(37.565)	(61.871)
X	Tài sản cố định		213.381	240.258
1	Tài sản cố định hữu hình	11	101.413	120.163
a	Nguyên giá TSCĐ		243.744	245.034
b	Hao mòn TSCĐ		(142.331)	(124.871)
3	Tài sản cố định vô hình	12	111.968	120.095
a	Nguyên giá TSCĐ		150.220	150.220
b	Hao mòn TSCĐ		(38.252)	(30.125)
XI	Bất động sản đầu tư	13	23.440	38.199
a	Nguyên giá BĐSĐT		23.440	38.199
XII	Tài sản Có khác	14	3.714.061	3.491.544
1	Các khoản phải thu		372.918	361.167
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.268.907	3.101.432
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		1.298	
4	Tài sản Có khác		70.938	28.945
TỔNG TÀI SẢN CÓ			63.460.126	57.181.957

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	15	976.331	37.443
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	2.507.372	5.041.301
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		2.604	2.985
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		2.504.768	5.038.316
III	Tiền gửi của khách hàng	17	52.895.602	46.312.474
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro			1.900
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	500.109	500.101
VII	Các khoản nợ khác		1.569.045	1.166.694
1	Các khoản lãi, phí phải trả		1.441.429	1.105.091
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	127.616	61.603
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		58.448.459	53.059.913
VIII	Vốn chủ sở hữu	20	5.011.667	4.122.044
1	Vốn của tổ chức tín dụng		4.407.398	3.707.398
a	Vốn điều lệ		4.400.000	3.700.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		7.398	7.398
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		181.430	140.394
5	Lợi nhuận chưa phân phối		422.840	274.252
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.460.126	57.181.957

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn		867	27.493
2	Cam kết giao dịch hối đoái		839.349	630.744
a	Cam kết mua ngoại tệ		736.379	209.602
b	Cam kết bán ngoại tệ		102.970	208.682
c	Cam kết giao dịch hoán đổi		-	212.460
5	Bảo lãnh khác	34	169.477	363.830

Người lập biểu



Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yến

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016
Tổng Giám đốc




Thái Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			Triệu VND	(phân loại lại) Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	4.737.688	4.569.430
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	3.654.073	3.476.388
I	Thu nhập lãi thuần		1.083.615	1.093.042
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		26.024	15.311
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		22.583	11.112
II	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	23	3.441	4.199
III	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	(16.270)	12.147
IV	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	(158)	(1.926)
V	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	45.438	42.518
5	Thu nhập từ hoạt động khác		78.774	48.838
6	Chi phí hoạt động khác		16.812	12.244
VI	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	27	61.962	36.594
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	27.275	7.486
VIII	Chi phí hoạt động	29	579.541	563.539
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		625.762	630.521
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		173.057	281.391
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		452.705	349.130
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		93.595	75.055
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.298)	
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30	92.297	75.055
XIII	Lợi nhuận sau thuế		360.408	274.075
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20.2	828,86	769,87

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.570.212	5.261.348
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(3.317.734)	(3.007.042)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.441	4.198
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		29.010	72.433
05	Thu nhập khác		37.126	36.594
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(544.129)	(500.471)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(68.096)	(106.044)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		709.830	1.761.016
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	(Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		410.000	(366.000)
10	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		639.765	(364.316)
11	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		2.813	(2.813)
12	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(5.316.384)	(6.925.142)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(18.789)	(104.904)
14	(Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động		(50.650)	(108.389)
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		938.888	(267.843)
16	Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(2.533.929)	1.544.051
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho Bạc Nhà nước)		6.583.128	3.904.871
18	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		8	499.943
19	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		(1.900)	(6.607)
21	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		24.776	(49.873)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(42.398)	(48.912)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.345.158	(534.918)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	Mua sắm tài sản cố định		(10.184)	(12.041)
03	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định			(7.992)
04	Mua sắm bất động sản đầu tư		(717)	
05	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		12.646	
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(1.200)	(18.030)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		321.180	156.507
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		27.275	7.486
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		349.000	125.930
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
01	Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		700.000	700.000
04	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(111.000)	(113.607)
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		589.000	586.393
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.283.158	177.405
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		2.657.717	2.480.312
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	31	4.940.875	2.657.717

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng có thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập theo Quyết định số 183/QĐ-NH5 ngày 01/09/1994 và Giấy phép hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp số 0052/NH-GP ngày 01/09/1994.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Ngân hàng là:

- Kinh doanh tiền tệ;
- Kinh doanh khách sạn;
- Cho thuê văn phòng;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Hoạt động ngoại hối;
- Hoạt động bao thanh toán;
- Phái sinh về lãi suất;
- Chiết khấu công cụ, chuyển nhượng Giấy tờ có giá.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.400 tỷ VND (Bốn nghìn bốn trăm tỷ đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 117 đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, hai mươi hai (22) chi nhánh, một (01) công ty con tại Việt Nam.

Ngân hàng có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (AMC)	Quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay	100%

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Năm tài chính và đơn vị tiền tệ

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán

Ngân hàng đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN.

2.3 Các thay đổi về chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh liên quan đến nghiệp vụ sau:

- Từ ngày 01/01/2015, Ngân hàng bắt đầu sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc Ngân hàng Nhà nước ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Theo đó, trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng sẽ thực hiện điều chỉnh kết quả phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp;
- Từ ngày 01/04/2015, Khoản 3a Điều 10 của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN chính thức hết hiệu lực. Theo đó, Ngân hàng chấm dứt việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư này;
- Ngày 31/12/2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 49/2014/TT-NHNN, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2015. So với trước đây, Thông tư này có sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
 - Công ty con/công ty liên kết: Công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng được xác định theo Luật các Tổ chức tín dụng;
 - Thay thế các mẫu biểu báo cáo tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN bằng các biểu mẫu mới tương ứng.
- Ngày 28/08/2015, Ngân hàng Nhà nước Việt nam ban hành Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ("Thông tư 14") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt nam ("VAMC"). Theo đó, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt theo công thức quy định tại Khoản 2, Điều 46 của Thông tư này. Thông tư 14 có hiệu lực từ 15/10/2015.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng và báo cáo tài chính của công ty con do Ngân hàng kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Ngân hàng, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Ngân hàng. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Ngân hàng và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.5 Các cơ sở đánh giá và ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Ngân hàng và nhận thấy Ngân hàng có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2.6 Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ là USD được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các ngoại tệ khác được quy đổi sang VND theo tỷ giá do Ngân hàng công bố vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục phí tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại hoạt động kinh doanh ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối năm tài chính.

2.7 Các khoản đầu tư chứng khoán

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác mà Ngân hàng mua hần và dự định bán ra trong thời gian không quá một năm nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán kinh doanh, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá gốc (giá mua) vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực thu.

b) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14/04/2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc các chứng khoán khác được nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi; Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập, không là đối tác chiến lược, không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc (giá mua) vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định nhằm mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá cộng (+) Lãi cộng dồn/Lãi chờ phân bổ cộng (+) Giá trị phụ trội/chiết khấu chưa phân bổ. Giá trị phụ trội và chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chứng khoán đó, số tiền lãi dồn tích sau khi mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho quãng thời gian đầu tư chứng khoán.

Nghiệp vụ mua bán nợ giữa Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") và các tổ chức tín dụng

Khi Ngân hàng thực hiện nghiệp vụ bán nợ nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC và hoàn thành thủ tục bán nợ cho VAMC, Ngân hàng sẽ theo dõi số trái phiếu đặc biệt nhận từ VAMC qua nghiệp vụ mua bán nợ trên tài khoản chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền rủi ro trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho tổ chức tín dụng bán nợ theo giá trị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

2.8 Các khoản đầu tư dài hạn

Khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có dưới 11% quyền biểu quyết và đồng thời là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

2.9 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14/04/2009 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE);
- Nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng;
- Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Ngân hàng không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với trái phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng niêm yết (UpCom), thì Ngân hàng thực hiện dự phòng rủi ro đối với dư nợ mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng thực hiện tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo mệnh giá và thời hạn của trái phiếu trừ (-) số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán theo quy định tại Khoản 2, Điều 46, Thông tư số

19/2013/TT-NHNN ngày 06/09/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 28/08/2015 và các văn bản khác có liên quan.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

Dự phòng các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14/04/2009 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành; Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 do Bộ Tài chính ban hành.

Mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa phần vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có trên các báo cáo tài chính gần nhất của các đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.10 Các khoản cho vay khách hàng

Dư nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm; các khoản cho vay và cho thuê tài chính trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm và các khoản cho vay và cho thuê tài chính dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 21/01/2013 được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 18/03/2014, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ, Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Ngoài ra, theo Thông tư số 10/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 20/03/2014, các khoản cho vay khách hàng cũng được phân loại thành: Nợ trong hạn và Nợ quá hạn dựa vào trạng thái quá hạn của một khoản vay theo hợp đồng tín dụng hoặc các phụ lục gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng: Dự phòng rủi ro tín dụng được lập theo quý và được ghi nhận vào báo cáo tài chính trong quý tiếp theo. Riêng dự phòng của quý 4 được lập và ghi nhận trong tháng 12 trên cơ sở các khoản cho vay tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Dự phòng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng và số dư các khoản cho vay sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo tỷ lệ quy định cho từng loại tài sản đảm bảo. Tỷ lệ dự phòng cụ thể áp dụng cho từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung: Dự phòng chung được trích lập bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11 hàng năm.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Ngân hàng sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

2.11 Các khoản cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN được sửa đổi và bổ sung bằng Thông tư số 09/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng phải thực hiện phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm (xem Thuyết minh 2.10) để thực hiện quản lý.

2.12 Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá mua và bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.13 Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08	năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bất động sản đầu tư chủ yếu là quyền sử dụng đất vô thời hạn nắm giữ vì mục đích chờ tăng giá và không trích khấu hao.

2.14 Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay tổ chức tín dụng khác

Hoạt động gửi tiền có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được Ngân hàng áp dụng theo Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/06/2012 quy định về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có hiệu lực thi hành từ ngày 01/09/2012 và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN ngày 07/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2012/TT-NHNN.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay các Tổ chức tín dụng khác theo quy định về phân loại nhóm nợ và trích dự phòng rủi ro tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2.15 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Mức trích lập dự phòng đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

2.16 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao dịch giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - Khoản mục “Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn hợp đồng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản đánh giá lại trong năm được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.17 Phúc lợi nhân viên

Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả cho người lao động các chế độ sau đây cho thời gian đã làm việc trước ngày 01/01/2009:

- Trợ cấp thôi việc tự nguyện: Theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp thôi việc tự nguyện cho nhân viên bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, cộng thêm phụ cấp lương (nếu có) trong trường hợp nhân viên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động;
- Trợ cấp mất việc: Theo Điều 44 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng phải trả cho nhân viên khoản trợ cấp mất việc làm tương đương với một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Từ ngày 01/01/2009, người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp đối với thời gian tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Nghị định số 28/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

Phân chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào khoản mục thặng dư vốn cổ phần.

Trích lập các quỹ: Các quỹ dự trữ được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế mỗi năm, số dư tối đa của quỹ không vượt quá vốn điều lệ
- lệ hiện có của tổ chức tín dụng. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng;
- Các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các Quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của Pháp luật.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Ngân hàng.

2.19 Thu nhập và chi phí lãi

Ngân hàng ghi nhận thu nhập từ lãi và chi phí lãi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 sẽ không được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản lãi dự thu này được được thoái thu và chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và chỉ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

2.20 Thu nhập từ phí, hoa hồng dịch vụ và cổ tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu, dự chi. Cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng được quyền nhận cổ tức từ các khoản đầu tư. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

2.22 Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác, các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày cho vay/mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2.23 Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm tiền, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, đầu tư dài hạn khác, các tài sản phái sinh và các tài sản tài chính khác.

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu;
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Ngân hàng chủ yếu bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng, tiền gửi của khách hàng, các khoản nợ phải trả phái sinh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

- Các khoản công nợ tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Các khoản công nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan.

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Ngân hàng bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng, những nhân sự quản lý chủ chốt của Ngân hàng, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Ngân hàng chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	618.160	559.375
Tiền mặt bằng ngoại tệ	126.593	124.630
	744.753	684.005

4 Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	397.723	526.371
- Bằng VND	276.697	313.282
- Bằng ngoại tệ	121.026	213.089
	397.723	526.371

5 Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

5.1. Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	102.348	237.724
- Bảng VND	13.882	22.576
- Bảng ngoại hối	88.466	215.148
Tiền gửi có kỳ hạn	214.229	20.188
- Bảng VND	270.500	70.500
- Bảng ngoại hối	14.229	20.188
- Dự phòng rủi ro	(70.500)	(70.500)
	316.577	257.912

5.2. Cho vay các TCTD khác

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Bảng VND	1.015.000	1.175.000
Bảng ngoại hối	415.910	106.230
	1.430.910	1.281.230
Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	1.747.487	1.539.142

Tổng tiền gửi và cho vay các TCTD khác	1.747.487	1.539.142
---	------------------	------------------

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác:

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.645.139	1.301.418
Nợ có khả năng mất vốn	70.500	70.500
	1.715.639	1.371.918

6 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Vốn	121.187	159.210
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	99.298	96.163
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	21.889	63.047
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(23.506)</i>	<i>(23.773)</i>
Dự phòng giảm giá	(23.506)	(23.773)
	97.681	135.437

Chi tiết tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán kinh doanh khác	121.187	159.210
- Đã niêm yết	89.647	86.512
- Chưa niêm yết	31.540	72.698
	121.187	159.210

7 Cho vay khách hàng

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	41.694.274	36.420.525
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	8.744	2.321
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	500	500
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	51.089	14.877
	41.754.607	36.438.223

Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	41.413.873	35.610.146
Nợ cần chú ý	47.914	43.151
Nợ dưới tiêu chuẩn	5.581	218.095
Nợ nghi ngờ	7.984	15.343
Nợ có khả năng mất vốn	279.255	551.488
	41.754.607	36.438.223

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	13.674.755	26.083.824
Nợ trung hạn	21.643.180	7.339.728
Nợ dài hạn	6.436.672	3.014.671
	41.754.607	36.438.223

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Cho vay các TCKT	7.359.829	6.618.235
- Công ty TNHH	837.939	1.214.023
- Công ty Cổ phần	6.509.939	5.389.303
- Doanh nghiệp tư nhân	10.645	13.583
- Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	1.306	1.326
Cho vay cá nhân	34.394.727	29.818.082
Cho vay khác	51	1.906
	<u>41.754.607</u>	<u>36.438.223</u>
8 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		
	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Dự phòng cụ thể	(172.426)	(91.491)
Dự phòng chung	(310.016)	(261.546)
	<u>(482.442)</u>	<u>(353.037)</u>
<i>Chi tiết tăng/giảm dự phòng rủi ro tín dụng:</i>		
	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
<i>Kỳ từ ngày 31/12/2014 đến ngày 31/12/2015</i>		
Số dư đầu năm	(261.546)	(91.491)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(48.470)	(354.365)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	254.641
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	18.789
Số dư cuối năm	<u>(310.016)</u>	<u>(172.426)</u>
<i>Kỳ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014</i>		
Số dư đầu năm	(209.794)	(58.574)
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	(51.752)	(152.314)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	14.494
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	104.903
Số dư cuối năm	<u>(261.546)</u>	<u>(91.491)</u>

9 Chứng khoán đầu tư

9.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán Nợ	14.419.064	13.789.648
- Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	8.205.469	6.620.413
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	5.371.027	6.323.216
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	842.568	846.019
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(18.000)	(18.000)
- Dự phòng cụ thể	(18.000)	(18.000)
	14.401.064	13.771.648

9.2 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	625.875	124.320
Dự phòng trái phiếu đặc biệt	(46.182)	(21.318)
	579.693	103.002

10 Góp vốn, đầu tư dài hạn

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác	306.243	626.223
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(37.565)	(61.871)
	268.678	564.352

Chi tiết các khoản đầu tư tại 31/12/2015:

Các khoản đầu tư	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ
	Triệu VND	năm giữ %	Triệu VND	năm giữ %
Các khoản đầu tư dài hạn khác	306.243		626.223	
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	115.500	6	115.500	6
- Công ty Cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia Việt Nam	2.000	0	2.000	4
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	14.260	3	14.260	3
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán con hổ Việt Nam	7.393	5	25.000	5
- Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam VF4	30.883	11	30.883	4
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	-	-	40.000	10
- Công ty Cổ phần Thủy điện Za Hưng	39.476	11	39.476	11
- Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam VF2	19.119	2	19.192	2
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt	-	-	4.000	11
- Công ty Cổ phần Hữu nghị Nghệ An	-	-	1.500	6
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam VF1	1.932	1	1.932	0
- Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Giáo dục Quốc tế	7.000	4	5.800	10
- Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Thăng năm	40.500	10	40.500	10
- Công ty Cổ phần Thực phẩm sữa TH	-	-	253.000	7
- Quỹ Đầu tư Trái phiếu MB Capital Việt Nam	5.500	10	5.500	10
- Công ty Cổ phần Địa ốc MB	900	0	900	0
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	19.780	10	19.780	10
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	2.000	10	2.000	10
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thuận Hóa Hà Giang	-	-	5.000	10
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(37.565)		(61.871)	
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	(14.260)		(14.260)	
- Quỹ Đầu tư Chứng khoán con hổ Việt Nam	(2.186)		(9.015)	
- Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam VF4	-		(5.510)	
- Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	-		(13.894)	
- Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Nam VF2	(19.119)		(19.192)	
- Công ty Cổ phần Sông Lam Nghệ An	(2.000)		-	
	268.678		564.352	

11 . Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm nay:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	85.921	78.906	38.193	42.014	245.034
Số tăng trong năm	1.135	2.251	5.600	2.428	11.414
- Mua sắm trong năm	-	2.112	5.592	1.504	9.208
- Đầu tư XD CB hoàn thành	976	-	-	-	976
- Tăng khác	159	139	8	924	1.230
Số giảm trong năm	(2.903)	(2.925)	(1.654)	(5.222)	(12.704)
- Giảm khác	(2.903)	(2.925)	(1.654)	(5.222)	(12.704)
Số dư cuối năm	84.153	78.232	42.139	39.220	243.744
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	37.667	40.725	26.620	19.859	124.871
Số tăng trong năm	5.905	11.693	4.100	5.634	27.332
- Khấu hao trong năm	5.905	11.693	4.100	5.586	27.284
- Tăng khác	-	-	-	48	48
Số giảm trong năm	(1.903)	(3.064)	(780)	(4.125)	(9.872)
- Giảm khác	(1.903)	(3.064)	(780)	(4.125)	(9.872)
Số dư cuối năm	41.669	49.354	29.940	21.368	142.331
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	48.254	38.181	11.573	22.155	120.163
Tại ngày cuối năm	42.484	28.878	12.199	17.852	101.413

12 Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm nay:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	90.122	60.098	150.220
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	90.122	60.098	150.220
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	30.125	30.125
Số tăng trong năm	-	8.127	8.127
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	8.127	8.127
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	38.252	38.252
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	90.122	29.973	120.095
Tại ngày cuối năm	90.122	21.846	111.968

13 Bất động sản đầu tư

Tăng, giảm bất động sản đầu tư năm nay:

	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	38.199	38.199
Số tăng trong năm	904	904
- <i>Mua sắm trong năm</i>	717	717
- <i>Tặng khác</i>	187	187
Số giảm trong năm	(15.663)	(15.663)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(12.383)	(12.383)
- <i>Giảm khác</i>	(3.280)	(3.280)
Số dư cuối năm	23.440	23.440
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Bất động sản đầu tư chủ yếu là quyền sử dụng đất lâu dài và một phần tài sản trên đất do Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản (Công ty con của Ngân hàng) mua lại khi xử lý tài sản bảo đảm và nắm giữ vì mục đích chờ tăng giá. Tổng nguyên giá tại thời điểm 31/12/2015 là 23,44 tỷ đồng.

14 Tài sản Có khác

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.232	17.232
Các khoản phải thu	355.686	343.935
Các khoản lãi, phí phải thu	3.268.907	3.101.432
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.298	-
Tài sản có khác	70.938	28.945
	3.714.061	3.491.544

14.1 Các khoản phải thu

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	7.208	7.308
Thanh toán với Ngân sách Nhà nước	3.333	3.780
Chi phí xử lý tài sản bán đảm nợ	188	188
Các khoản phải thu nội bộ	302.446	328.072
Các khoản phải thu bên ngoài	42.511	4.587
	355.686	343.935

14.2 Tài sản có khác

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, đang chờ xử lý	36.000	-
Công cụ dụng cụ, vật liệu	2.501	1.604
Chi phí chờ phân bổ	32.437	27.340
Các khoản khác	-	1
	70.938	28.945

15 Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước bằng VND	976.331	37.443
- Vay theo hồ sơ tín dụng	87.443	37.443
- Vay cầm cố các giấy tờ có giá	888.888	-
	976.331	37.443

16 Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>2.604</i>	<i>2.985</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	2.604	2.985
- Bằng VND	2.604	2.985
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>2.504.768</i>	<i>5.038.316</i>
Bằng VND	2.503.613	5.037.195
<i>Trong đó: Vay chiết khấu, tái chiết khấu</i>	<i>1.050.120</i>	<i>2.075.202</i>
Bằng ngoại hối	1.155	1.121
	2.507.372	5.041.301

17 Tiền gửi của khách hàng

Thuyết minh theo loại tiền gửi:

	31/12/2015	31/12/2014
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	489.755	675.151
- Bằng VND	464.640	583.875
- Bằng ngoại hối	25.115	91.276
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	52.375.007	45.594.420
- Bằng VND	51.742.536	44.888.899
- Bằng ngoại hối	632.471	705.521
Tiền gửi vốn chuyên dùng	2	-
Tiền gửi kỳ quỹ	30.838	42.903
	52.895.602	46.312.474

18 Phát hành giấy tờ có giá thông thường

Năm nay:

Kỳ hạn	Mệnh giá Triệu VND	Chiết khấu Triệu VND	Phụ trội Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
Dưới 12 tháng	109	-	-	109
Từ 12 tháng đến 05 năm (*)	500.000	-	-	500.000
	500.109	-	-	500.109

(*): Trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 500 tỷ VND, lãi suất thả nổi, đáo hạn vào năm 2017.

Năm trước:

Kỳ hạn	<u>Mệnh giá</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Chiết khấu</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Phụ trội</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Giá trị thuần</u> <u>Triệu VND</u>
Dưới 12 tháng	101	-	-	101
Từ 12 tháng đến 05 năm	500.000	-	-	500.000
	<u>500.101</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>500.101</u>

19 . Các khoản phải trả và công nợ khác

	<u>31/12/2015</u> <u>Triệu VND</u>	<u>31/12/2014</u> <u>Triệu VND</u>
Các khoản phải trả nội bộ	38.909	34.981
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	41.090	14.145
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.795	1.408
Các khoản phải trả bên ngoài	28.821	11.069
	<u>127.616</u>	<u>61.603</u>

20. Vốn chủ sở hữu

20.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp/Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	3.700.000	7.398	564	96.677	43.153	274.252	4.122.044
Tăng trong năm	700.000	-	-	27.357	13.679	360.408	1.101.444
Tăng vốn trong năm (i)	700.000	-	-	-	-	-	700.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	360.408	360.408
Trích bổ sung các quỹ từ lợi nhuận năm trước (ii)	-	-	-	27.357	13.679	-	41.036
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(211.821)	(211.821)
Sử dụng trong năm (ii)	-	-	-	-	-	(100.821)	(100.821)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(111.000)	(111.000)
Số dư cuối năm	4.400.000	7.398	564	124.034	56.832	422.840	5.011.667

20. Vốn chủ sở hữu

20.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:

(i): Trong năm 2015, Ngân hàng thực hiện tăng vốn điều lệ từ 3.700 tỷ đồng lên 4.400 tỷ đồng theo Nghị Quyết số 58/2015/NQ-HĐQT-BacABank ngày 19/06/2015 của Hội đồng quản trị.

(ii): Ngân hàng thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Tờ trình số 34A/TTr-HĐQT. BAC A BANK ngày 01/04/2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2014		273.570
Trích các Quỹ	36,60	100.138
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00	13.679
- Quỹ dự phòng tài chính	10,00	27.357
- Quỹ phúc lợi	8,64	23.641
- Quỹ khen thưởng	12,96	35.461
Thù lao HĐQT và BKS	0,25	683
Chia cổ tức cho cổ đông (3% vốn điều lệ)	40,57	111.000
Lợi nhuận để lại		61.749

20.2 Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	360.408	274.075
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	360.408	274.075
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	360.408	274.075
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	434.821.918	356.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	828,86	769,87

20.3 Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

	31/12/2015			31/12/2014		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vốn góp của các đối tượng khác	4.400.000	4.400.000	-	3.700.000	3.700.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	7.398	7.398	-	7.398	7.398	-
	4.407.398	4.407.398	-	3.707.398	3.707.398	-

20.4 Cổ tức

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	111.000

Ngày 20/01/2016, Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ đợt 1 thêm 111 tỷ đồng, nâng mức vốn điều lệ từ 4.400 tỷ đồng lên 4.511 tỷ đồng thông qua việc phát hành 11.099.948 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014.

20.5 Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	440.000.000	370.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	440.000.000	370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	440.000.000	370.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	440.000.000	370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	440.000.000	370.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

21 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	69.417	88.723
Thu nhập lãi cho vay	3.434.537	3.530.229
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	1.227.608	942.333
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	5.380	7.593
Thu khác từ hoạt động tín dụng	746	552
	4.737.688	4.569.430

22 Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	3.590.141	3.450.073
Trả lãi tiền vay	4.313	1.501
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	56.524	5.785
Chi phí hoạt động tín dụng khác	3.095	19.029
	3.654.073	3.476.388

23 Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Thu phí dịch vụ	26.024	15.311
- Dịch vụ thanh toán	7.520	7.459
- Dịch vụ ngân quỹ	418	175
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	12.053	4.844
- Dịch vụ khác	6.033	2.833
Chi phí dịch vụ liên quan	(22.583)	(11.112)
- Dịch vụ thanh toán	(5.690)	(6.592)
- Dịch vụ ngân quỹ	(1.560)	(1.544)
- Dịch vụ ủy thác và đại lý	(1.889)	(284)
- Dịch vụ khác	(13.444)	(2.692)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	3.441	4.199

24 Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	82.993	38.924
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	82.993	38.924
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(99.263)	(26.777)
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(99.263)	(26.777)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(16.270)	12.147

25	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
	Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(158)	-
	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	-	(1.926)
	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	(158)	(1.926)
26	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 (Phân loại lại) Triệu VND
	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	109.449	159.405
	Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(64.011)	(98.887)
	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	-	(18.000)
	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	45.438	42.518
27	Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
	Thu nhập từ hoạt động khác	78.774	48.838
	- Thu nhập khác	78.774	48.838
	Chi phí liên quan đến hoạt động khác	(16.812)	(12.244)
	- Chi phí liên quan đến nghiệp vụ mua bán nợ	(46)	(145)
	- Chi phí khác	(16.766)	(12.099)
	Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	61.962	36.594
28	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
	Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	27.275	7.486
	- Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	7.500	-
	- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	19.775	7.486
	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	27.275	7.486

29 Chi phí hoạt động

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	3.229	6.996
Chi phí cho nhân viên	239.967	198.537
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	198.967	165.234
- Các khoản chi đóng góp theo lương	17.662	14.825
- Chi trợ cấp	2.282	1.933
- Chi khác cho nhân viên	21.056	16.545
Chi về tài sản	123.467	116.953
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	35.410	31.478
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	142.371	150.608
Trong đó:		
- Công tác phí	5.292	5.511
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	868	2.056
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	70.507	58.856
Chi phí dự phòng	-	31.589
	579.541	563.539

30 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại:		
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	93.595	75.049
- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản	-	6
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	93.595	75.055
- Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.882	37.871
- Thuế TNDN đã nộp trong năm	(68.096)	(106.044)
Thuế TNDN còn phải nộp cuối năm	32.381	6.882

30.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.298)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.298)	-

31 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	744.753	684.005
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	397.723	526.371
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng)	316.577	257.912
Cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời gian thu hồi không quá 03 tháng	1.430.910	871.230
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua	2.050.912	318.199
	4.940.875	2.657.717

32 Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2015	Năm 2014
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên	1.448	1.286
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	198.967	165.234
2. Tiền thưởng	-	-
3. Thu nhập khác	10.406	9.206
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	209.373	174.440
5. Tiền lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	11,45	10,71
6. Thu nhập bình quân hàng tháng (triệu VND/người/tháng)	12,05	11,30

33 Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Chi tiêu	Số dư đầu năm Triệu VND	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm Triệu VND
		Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	
1. Thuế GTGT	191	3.638	3.357	472
3. Thuế TNDN	6.882	93.595	68.096	32.381
10. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.072	23.836	22.670	8.238
	14.145	121.069	94.123	41.090

34 Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Bảo lãnh khác	169.477	363.830
Cam kết bảo lãnh thanh toán	53.826	33.952
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	53.992	17.201
Cam kết bảo lãnh dự thầu	11.024	7.270
Cam kết bảo lãnh khác	50.635	305.407
	169.477	363.830

35 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Ngân hàng thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2015 Triệu VND	Năm 2014 Triệu VND
Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng Quản trị	402	312
Thù lao trả cho Ban Kiểm soát	183	168

36 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37 Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Khu vực	Cho vay khách hàng và cho vay TCTD khác Triệu VND	Tiền gửi và tiền vay từ khách hàng và các TCTD khác Triệu VND	Các cam kết tín dụng Triệu VND	CCTC phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng) Triệu VND	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán Triệu VND
Trong nước	43.185.517	55.402.974	169.477	-	15.166.126
	<u>43.185.517</u>	<u>55.402.974</u>	<u>169.477</u>	<u>-</u>	<u>15.166.126</u>

38 Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường.

38.1 Rủi ro tín dụng

Ngân hàng tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng, xây dựng các quy trình tín dụng, thực hiện rà soát rủi ro tín dụng, xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ, phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

38.2 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn định lãi suất thực tế là thời gian còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền mặt; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản Có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng
			Dưới 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN									
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	744.753	-	-	-	-	-	-	744.753
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	397.723	-	-	-	-	-	397.723
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	1.090.792	727.195	-	-	-	-	1.817.987
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	121.187	-	-	121.187
VI Cho vay khách hàng (*)	320.122	-	2.734.951	3.418.689	4.649.417	2.551.577	21.643.180	6.436.671	41.754.607
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	6.017.975	9.026.964	-	15.044.939
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	306.243	-	306.243
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	236.821	-	-	-	-	-	-	236.821
X Tài sản có khác (*)	-	370.364	1.114.565	1.077.413	1.151.719	-	-	-	3.714.061
Tổng tài sản	320.122	1.351.938	5.338.031	5.223.297	5.801.136	8.690.739	30.976.387	6.436.671	64.138.321

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo kỳ hạn lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian						Tổng
			Dưới 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ									
I Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	680.608	208.281	-	-	12.240	75.202	976.331
II Tiền gửi và vay từ các TCTD	-	-	307.000	690.760	1.056.898	443.222	9.492	-	2.507.372
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	4.760.604	3.067.945	4.496.126	7.140.906	29.621.537	3.808.484	52.895.602
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	109	500.000	-	500.109
VII Các khoản nợ khác	-	-	153.038	1.416.007	-	-	-	-	1.569.045
Tổng nợ phải trả	-	-	5.901.250	5.382.993	5.553.024	7.584.237	30.143.269	3.883.686	58.448.459
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	320.122	1.351.938	(563.219)	(159.696)	248.112	1.106.502	833.118	2.552.985	5.689.862
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	320.122	1.351.938	(563.219)	(159.696)	248.112	1.106.502	833.118	2.552.985	5.689.862

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

b. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD, EUR. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng phân tích tài sản và công nợ theo loại tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại hối khác được quy đổi	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
TÀI SẢN				
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	7.152	119.441	-	126.593
II. Tiền gửi tại NHNN	-	121.026	-	121.026
III. Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác(*)	2.140	509.761	6.709	518.610
VI. Cho vay khách hàng(*)	-	26.798	-	26.798
X. Tài sản có khác(*)	-	11.178	-	11.178
Tổng tài sản	9.292	788.204	6.709	804.205
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
III. Tiền gửi của khách hàng	-	1.155	-	1.155
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	7.106	651.448	7	658.561
VI. Phát hành giấy tờ có giá	-	109	-	109
VII. Các khoản nợ khác	14	749	-	763
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	7.120	653.461	7	660.588
Trạng thái tiền tệ nội bảng	2.172	134.743	6.702	143.617
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	2.172	134.743	6.702	143.617

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

Tỷ giá quy đổi

EUR	24.380
USD	21.890
GBP	33.150
CHF	22.500
JPY	185
SGD	15.850
AUD	16.160

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ đáo hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính toán dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến một (01) tháng;
- Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (05) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Trên 01 năm	
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
TÀI SẢN								
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	744.753	-	-	-	-	744.753
II Tiền gửi tại NHNN	-	-	59.658	139.204	159.089	39.772	-	397.723
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác(*)	-	-	363.597	545.396	727.195	181.799	-	1.817.987
IV Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	121.187	-	-	-	-	121.187
VI Cho vay khách hàng (*)	32.012	288.110	3.623.811	4.786.164	4.944.659	21.643.180	6.436.671	41.754.607
VII Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-	15.044.939	-	15.044.939
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	306.243	-	306.243
IX Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	236.821	-	236.821
X Tài sản có khác (*)	-	-	370.365	3.343.696	-	-	-	3.714.061
Tổng tài sản	32.012	288.110	5.283.371	8.814.460	5.830.943	37.452.754	6.436.671	64.138.321

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

Bảng phân tích tài sản và nguồn vốn theo kỳ đáo hạn thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Chi tiêu	Quá hạn		Trong hạn				Tổng	
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND		
NỢ PHẢI TRẢ								
I Các khoản nợ chính phủ và NHNN	-	-	680.608	208.281	-	12.240	75.202	976.331
II Tiền gửi và vay từ các TCTD khác	-	-	307.000	690.760	1.500.120	9.493	-	2.507.372
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	4.231.648	5.818.516	4.231.648	35.704.531	2.909.258	52.895.602
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	109	500.000	-	500.109
VII Các khoản nợ khác	-	-	153.038	1.416.007	-	-	-	1.569.045
Tổng nợ phải trả	-	-	5.372.294	8.133.564	5.731.877	36.226.264	2.984.460	58.448.459
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	32.012	288.110	(88.923)	680.896	99.066	1.226.490	3.452.211	5.689.862

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

39 . Báo cáo bộ phận

39.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
I. Doanh thu	4.732.308	4.561.838	136.723	166.890	168.865	110.665	-	-	5.037.896	4.839.393
1. Doanh thu lãi	4.732.308	4.561.838	-	-	5.380	7.592	-	-	4.737.688	4.569.430
2. Doanh thu từ hoạt động đầu tư	-	-	136.723	166.890	-	-	-	-	136.723	166.890
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	-	-	-	-	163.485	103.073	-	-	163.485	103.073
II. Chi phí	3.654.073	3.476.388	64.169	98.886	138.658	50.134	579.540	531.950	4.436.440	4.157.358
1. Chi phí lãi	3.654.073	3.476.388	-	-	-	-	-	-	3.654.073	3.476.388
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-	-	-	-	-	35.410	31.478	35.410	31.478
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	-	-	64.169	98.886	138.658	50.134	544.130	500.472	746.957	649.492
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	1.078.235	1.085.450	72.554	68.004	30.207	60.531	(579.540)	(531.950)	601.456	682.035
Chi phí dự phòng rủi ro	173.057	281.391	(24.306)	51.514	-	-	-	-	148.751	332.905
Kết quả kinh doanh bộ phận	905.178	804.059	96.860	16.490	30.207	60.531	(579.540)	(531.950)	452.705	349.130

39 . Báo cáo bộ phận

39.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
III. Tài sản (*)	61.784.092	54.825.541	427.430	785.433	397.723	529.184	1.529.076	1.590.298	64.138.321	57.730.456
1. Tiền mặt	-	-	-	-	-	-	744.753	684.005	744.753	684.005
2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	397.723	526.371	-	-	397.723	526.371
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	1.715.639	1.371.918	-	-	-	-	102.348	237.724	1.817.987	1.609.642
4. Chứng khoán kinh doanh	-	-	121.187	159.210	-	-	-	-	121.187	159.210
5. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	2.813	-	-	-	2.813
6. Cho vay khách hàng	41.754.607	36.438.223	-	-	-	-	-	-	41.754.607	36.438.223
7. Chứng khoán đầu tư	15.044.939	13.913.968	-	-	-	-	-	-	15.044.939	13.913.968
8. Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	306.243	626.223	-	-	-	-	306.243	626.223
9. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	236.821	278.457	236.821	278.457
10. Tài sản Có khác	3.268.907	3.101.432	-	-	-	-	445.154	390.112	3.714.061	3.491.544

39 . Báo cáo bộ phận

39.1 . Báo cáo Bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

	Huy động vốn và cho vay lại, kinh doanh chứng khoán nợ		Kinh doanh chứng khoán vốn và góp vốn mua cổ phần		Khác		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm	Năm nay/ Cuối năm	Năm trước/ Đầu năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
IV. Nợ phải trả	58.320.843	52.998.310	-	-	-	-	127.616	61.603	58.448.459	53.059.913
1. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	976.331	37.443	-	-	-	-	-	-	976.331	37.443
2. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	2.507.372	5.041.301	-	-	-	-	-	-	2.507.372	5.041.301
3. Tiền gửi của khách hàng	52.895.602	46.312.474	-	-	-	-	-	-	52.895.602	46.312.474
5. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	1.900	-	-	-	-	-	-	-	1.900
6. Phát hành giấy tờ có giá	500.109	500.101	-	-	-	-	-	-	500.109	500.101
7. Các khoản nợ khác	1.441.429	1.105.091	-	-	-	-	127.616	61.603	1.569.045	1.166.694

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

39.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: Theo khu vực địa lý

Thu nhập và chi phí phát sinh trong năm 2015 cũng như tài sản và nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 của Ngân hàng phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
- Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	V	42.518	21.200
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	X	281.391	260.073

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu  Hoàng Thị Bích Thảo	Kế toán trưởng  Nguyễn Hồng Yến	Tổng Giám đốc  Thái Hương
---	---	---

Seal of Ngân hàng TMCP Bắc Á, TP. Vinh - T. Nghệ An, S.Đ. K.K.D. 2900325528-C.T.C.Đ.

Trên đây là toàn văn Báo cáo Thường niên năm 2015 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

TP.Vinh, ngày 09 tháng 04 năm 2016

NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á

TỔNG GIÁM ĐỐC



Red circular stamp of Ngân hàng TMCP Bắc Á. The stamp contains the text: SĐKKD: 2900325526-C.T.C., NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á, TP. VINH, NGHỆ AN. A handwritten signature is written over the stamp, and the name Thái Hương is printed below it.